

DANH SÁCH HỘ NGÈO ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày 08/04/2025 của UBND thị trấn Ba Tơ)

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền 1 tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý I (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
1	Trần Thị Lọng	TDP Đá Bàn	2	62.500	3	187.500	187.500		Ông Nguyễn Hùng chết
2	Đặng Minh Mỹ	TDP Đá Bàn	5	62.500	3	187.500	187.500		
3	Đào Thị Mười	TDP Đá Bàn	1	62.500	3	187.500	187.500		
4	Nguyễn Văn Đông	TDP Đá Bàn	4	62.500	3	187.500	187.500		
5	Phạm Thị Thuận	TDP Đá Bàn	1	62.500	3	187.500	187.500		
6	Phạm Thị Lút	TDP Đá Bàn	1	62.500	3	187.500	187.500		Ông Phạm Văn Lê chết
7	Phạm Văn Bồ	TDP Đá Bàn	4	62.500	3	187.500	187.500		
8	Phạm Văn Dân	TDP Đá Bàn	2	62.500	3	187.500	187.500		
9	Phạm Thị Inh	TDP Đá Bàn	1	62.500	3	187.500	187.500		
10	Phạm Văn Rin	TDP Đá Bàn	3	62.500	3	187.500	187.500		
11	Phạm Thị Ni	TDP Đá Bàn	1	62.500	3	187.500	187.500		
12	Phạm Thị Diễm	TDP Đá Bàn	1	62.500	3	187.500	187.500		
13	Phạm Văn Khuyên	TDP Đá Bàn	3	62.500	3	187.500	187.500		
14	Phạm Thị Mum	TDP Đá Bàn	2	62.500	3	187.500	187.500		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền 1 tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý I (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
15	Phạm Thị Lít	TDP Đá Bàn	1	62.500	3	187.500	187.500		
16	Phạm Thị Khem	TDP Đá Bàn	2	62.500	3	187.500	187.500		
17	Phạm Văn Gồ	TDP Đá Bàn	2	62.500	3	187.500	187.500		
18	Phạm Hà Thục	TDP Đá Bàn	4	62.500	3	187.500	187.500		
19	Phạm Văn Ký	TDP Đá Bàn	2	62.500	3	187.500	187.500		
20	Phạm Thị Tây	TDP Đá Bàn	3	62.500	3	187.500	187.500		
21	Phạm Thị Muong	TDP Đá Bàn	2	62.500	3	187.500	187.500		
22	Phạm Thị Ổ	TDP Đá Bàn	1	62.500	3	187.500	187.500		
23	Phạm Thị Lâm	TDP Đá Bàn	3	62.500	3	187.500	187.500		
24	Phạm Thị Trân	TDP Đá Bàn	4	62.500	3	187.500	187.500		
25	Phạm Văn Đò	TDP Đá Bàn	2	62.500	3	187.500	187.500		
26	Phạm Thế Hiền	TDP Đá Bàn	2	62.500	3	187.500	187.500		
27	Trần Thị Hàng	TDP Đá Bàn	2	62.500	3	187.500	187.500		
28	Phạm Thị Guông	TDP Đá Bàn	6	62.500	3	187.500	187.500		
29	Phạm Thị Noang	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		
30	Phạm Văn Đưa	TDP Kon Dung	2	62.500	3	187.500	187.500		
31	Phạm Thị Đâng	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền 1 tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý I (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
32	Phạm Thị Danh	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		
33	Phạm Văn Diệu	TDP Kon Dung	2	62.500	3	187.500	187.500		
34	Phạm Văn Đên	TDP Kon Dung	2	62.500	3	187.500	187.500		
35	Phạm Thị Dăm	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		
36	Phạm Thị Lâm	TDP Kon Dung	3	62.500	3	187.500	187.500		
37	Phạm Thị Dứa	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		
38	Phạm Thị Iết	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		
39	Phạm Văn Ốt	TDP Kon Dung	2	62.500	3	187.500	187.500		
40	Phạm Thị Nhó	TDP Kon Dung	5	62.500	3	187.500	187.500		
41	Phạm Thị Ấy	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		
42	Phạm Văn Rỏi	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		
43	Phạm Thị Hua	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		
44	Phạm Văn Đu	TDP Kon Dung	2	62.500	3	187.500	187.500		
45	Phạm Thị Đập	TDP Kon Dung	2	62.500	3	187.500	187.500		
46	Phạm Văn My	TDP Kon Dung	5	62.500	3	187.500	187.500		
47	Phạm Văn Dái	TDP Kon Dung	2	62.500	3	187.500	187.500		
48	Phạm Thị Em	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền 1 tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý I (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
49	Phạm Văn Đơ	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		
50	Phạm Văn Lập	TDP Kon Dung	2	62.500	3	187.500	187.500		
51	Phạm Thị Re	TDP Kon Dung	2	62.500	3	187.500	187.500		
52	Phạm Thị Nga	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		
53	Phạm Thị Nghi (B)	TDP Kon Dung	1	62.500	3	187.500	187.500		
54	Thái Ngọc Đào	TDP Bắc Hoàn Đồn	4	62.500	3	187.500	187.500		
55	Nguyễn Thị Nhị	TDP Bắc Hoàn Đồn	1	62.500	3	187.500	187.500		
56	Hồ Xuân Đước	TDP Bắc Hoàn Đồn	2	62.500	3	187.500	187.500		
57	Hoàng Đình Dương	TDP Bắc Hoàn Đồn	3	62.500	3	187.500	187.500		
58	Nguyễn Thị Nhung	TDP Tài Năng	3	62.500	3	187.500	187.500		
59	Phạm Thị Đin	TDP Uy Năng	3	62.500	3	187.500	187.500		
60	Phạm Thị Sĩ	TDP Uy Năng	2	62.500	3	187.500	187.500		
61	Phạm Văn Ruốc	TDP Uy Năng	3	62.500	3	187.500	187.500		
62	Phạm Văn Lay	TDP Uy Năng	2	62.500	3	187.500	187.500		
63	Phạm Thị Diên	TDP Uy Năng	1	62.500	3	187.500	187.500		
64	Phạm Văn Tương	TDP Uy Năng	3	62.500	3	187.500	187.500		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền 1 tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý I (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
65	Phạm Thị Loan	TDP Uy Năng	3	62.500	3	187.500	187.500		
66	Phạm Thị Nít	TDP Uy Năng	5	62.500	3	187.500	187.500		
67	Phạm Thị Tê	TDP Uy Năng	1	62.500	3	187.500	187.500		
68	Phạm Văn Tây	TDP Uy Năng	5	62.500	3	187.500	187.500		
69	Phạm Văn Huyềnh	TDP Uy Năng	3	62.500	3	187.500	187.500		
70	Phạm Văn Đối	TDP Uy Năng	3	62.500	3	187.500	187.500		
71	Phạm Văn Chúc	TDP Uy Năng	3	62.500	3	187.500	187.500		
72	Phạm Văn Sim	TDP Uy Năng	2	62.500	3	187.500	187.500		
73	Phạm Thị Léch	TDP Uy Năng	4	62.500	3	187.500	187.500		
74	Phạm Văn Lã	TDP Uy Năng	4	62.500	3	187.500	187.500		
75	Phạm Thị Đất	TDP Uy Năng	1	62.500	3	187.500	187.500		
76	Phạm Thị Tương	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		
77	Phạm Văn Thế	TDP Đồng Chùa	5	62.500	3	187.500	187.500		
78	Phạm Thị Chồ	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		
79	Phạm Văn On	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		
80	Phạm Thị Ghia	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		
81	Phạm Thị Leạ	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền 1 tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý I (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
82	Phạm Văn Bĩa	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
83	Phạm Văn Tổng	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
84	Phạm Thị Vế	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		
85	Phạm Văn Hợi	TDP Đồng Chùa	4	62.500	3	187.500	187.500		
86	Phạm Văn Nít	TDP Đồng Chùa	3	62.500	3	187.500	187.500		
87	Phạm Văn Lạch	TDP Đồng Chùa	4	62.500	3	187.500	187.500		
88	Phạm Văn Vác	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
89	Phạm Văn Bó	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
90	Phạm Thị Ghị	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
91	Phạm Văn Láu	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
92	Phạm Thị Ang	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		
93	Phạm Thị Ghề	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
94	Phạm Văn Ty	TDP Đồng Chùa	5	62.500	3	187.500	187.500		
95	Phạm Văn Ua	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
96	Phạm Văn Nhè	TDP Đồng Chùa	4	62.500	3	187.500	187.500		
97	Phạm Văn Triên	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
98	Phạm Thị Lê	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền 1 tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý I (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
99	Phạm Văn Xốp	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
100	Phạm Thị Trơ	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		
101	Phạm Thị Đế	TDP Đồng Chùa	5	62.500	3	187.500	187.500		
102	Phạm Thị Inh	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		
103	Phạm Văn Dê	TDP Đồng Chùa	4	62.500	3	187.500	187.500		
104	Phạm Văn Châm	TDP Đồng Chùa	3	62.500	3	187.500	187.500		
105	Phạm Văn Tá	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
106	Phạm Văn Ghem	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
107	Phạm Thị Lỗ	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
108	Phạm Văn B Rét	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
109	Phạm Thị Tá	TDP Đồng Chùa	3	62.500	3	187.500	187.500		
110	Phạm Văn Ngunh	TDP Đồng Chùa	3	62.500	3	187.500	187.500		
111	Phạm Văn Chúc	TDP Đồng Chùa	4	62.500	3	187.500	187.500		
112	Phạm Văn Tô	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
113	Phạm Văn Lầy	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
114	Phạm Văn Am	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
115	Phạm Văn Tía	TDP Đồng Chùa	3	62.500	3	187.500	187.500		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền 1 tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý I (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
116	Phạm Văn Hý	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
117	Phạm Văn Khói	TDP Đồng Chùa	3	62.500	3	187.500	187.500		
118	Phạm Thị Len	TDP Đồng Chùa	4	62.500	3	187.500	187.500		
119	Phạm Thị Lút	TDP Đồng Chùa	2	62.500	3	187.500	187.500		
120	Phạm Thị Tép	TDP Đồng Chùa	4	62.500	3	187.500	187.500		
121	Phạm Văn Ne	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		
122	Phạm Văn Tuốt	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		
123	Phạm Văn Trong	TDP Đồng Chùa	1	62.500	3	187.500	187.500		
124	Phạm Thị Bể	TDP Nước Trinh	1	62.500	3	187.500	187.500		
125	Phạm Thị Lên	TDP Nước Trinh	1	62.500	3	187.500	187.500		
126	Phạm Thị Tó	TDP Nước Trinh	1	62.500	3	187.500	187.500		
127	Phạm Thị Y Bé	TDP Nước Trinh	6	62.500	3	187.500	187.500		
128	Phạm Thị In	TDP Nước Trinh	1	62.500	3	187.500	187.500		
129	Phạm Thị Lực	TDP Nước Trinh	1	62.500	3	187.500	187.500		
130	Phạm Thị Doan	TDP Nước Trinh	2	62.500	3	187.500	187.500		
131	Phạm Thị Lua	TDP Nước Trinh	2	62.500	3	187.500	187.500		
132	Phạm Văn Mười	TDP Nước Trinh	4	62.500	3	187.500	187.500		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền 1 tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý I (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
133	Phạm Thị Trang	TDP Nước Trinh	1	62.500	3	187.500	187.500		
134	Phạm Văn Krắc	TDP Nước Trinh	4	62.500	3	187.500	187.500		
135	Phạm Thị Huệ	TDP Nước Trinh		62.500	3	187.500	187.500		
136	Phạm Văn Nhít	TDP Nước Trinh	5	62.500	3	187.500	187.500		
137	Phạm Thị Ên	TDP Nước Trinh	1	62.500	3	187.500	187.500		
138	Phạm Văn Đơn	TDP Nước Trinh	4	62.500	3	187.500	187.500		
139	Phạm Văn Nét	TDP Nước Trinh	2	62.500	3	187.500	187.500		
140	Phạm Thị Rã	TDP Nước Trinh	2	62.500	3	187.500	187.500		
	Tổng cộng: 173 hộ					26.250.000	26.250.000		

Tổng số hộ nghèo đề nghị phê duyệt, hỗ trợ tiền điện quý I năm 2025: 140 hộ.

Trong đó: Số hộ đề nghị hỗ trợ tiền kỳ này: 140 hộ; Số hộ đề nghị hỗ trợ tiền các kỳ trước chuyển sang: 0 hộ.

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng.

Người lập

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kiều Hoanh

Nguyễn Thị Mỹ Lệ